VIETNAM DAILY REVIEW

Áp lực bán tại các vùng kháng cự vẫn còn lớn

Thứ Sáu, Ngày 6 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,725.36	1,846.39	256.73	121.75
▼ -15.37 (-0.88%)	▼ -18.84 (-1.01%)	▲ +0.12 (+0.05%)	▼ -0.73 (-0.60%)
GTKL (TỶ): 15,188	GTKL (TỶ): 7,083	GTKL (TỶ): 979	GTKL (TỶ): 329
SO TB20: +20.4%	SO TB20: -0.7%	SO TB20: +38.6%	SO TB20: -26.9%
NN (TỶ): +393.5	NN (TỶ): -215.3	NN (TỶ): +46.1	NN (TỶ): -4.3

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Áp lực bán mạnh ngay từ đầu phiên khiến chỉ số lùi về mốc 1,713 điểm, trước khi lực cầu bắt đáy quay trở lại giúp thị trường hồi phục, thu hẹp đà giảm và đóng cửa tại 1,725.36 điểm, giảm 15.37 điểm (-0.88%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ Thông tin dẫn đầu đà giảm, theo sau là Hóa chất và Bất động sản. Ở chiều ngược lại, chỉ có hai nhóm ngành Truyền thông và Dịch vụ Tài chính giữ được sắc xanh trong phiên hôm nay. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này quay trở lại mua ròng trên HOSE và HNX, bán ròng trên UPCoM. Về mặt kỹ thuật, mặc dù khối lượng giao dịch cải thiện khi giá tăng từ vùng 1700 đi lên, song áp lực bán tại các vùng kháng cự vẫn còn rất lớn, do đó, chúng tôi kỳ vọng thị trường có thể đi ngang trong biên độ từ 1715 - 1750.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 giảm cùng chiều vận động với chỉ số VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 06/11/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **-15.37** điểm, đóng cửa tại 1,725.36 điểm. HNX-Index **+0.12** điểm, đóng cửa tại 256.73 điểm. UPCoM-Index **-0.73** điểm, đóng cửa tại 121.75 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: MSN (**+0.42**), CTG (**+0.40**), VPL (**+0.33**), STB (**+0.31**), VPB (**+0.31**).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (**-5.62**), VHM (**-2.04**), VCB (**-1.04**), MCH (**-0.86**), FPT (**-0.82**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15,188 tỷ đồng, tăng 9.18% so với phiên trước và cao hơn 20.4% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 18,889 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.0 điểm. Sàn HOSE có 98 mã tăng (2 mã trần), 94 mã tham chiếu, 210 mã giảm (5 mã sàn).
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 393.49 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm KDH (**+170.95** tỷ), VND (**+99.40** tỷ), VIX (**+93.38** tỷ), MSN (**+85.74** tỷ), VIC (**+75.07** tỷ). Đây là phiên mua ròng thứ 1 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-122,776** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+46.10** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-4.28** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
KDH	170.95	FPT	-151.38
VND	99.40	VCB	-110.81
VIX	93.38	MBB	-43.74
MSN	85.74	MCH	-41.70
VIC	75.07	BSR	-32.98

HOSE luỹ kế năm: **-122,776** tỷ 1 phiên mua ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,354	-4.36%	-4.75%
FTSE100	10,621	-1.50%	-1.01%
Eurostoxx	6,182	-0.73%	+0.83%
Shanghai	3,649	-1.10%	+1.39%
Nikkei	57,435	-5.96%	-11.17%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	97.73	-0.57%	-16.92%
Giá vàng	4,078	-0.24%	+5.26%
USD/VND	25,601	-0.31%	-0.78%
EUR/VND	28,619	-0.66%	-0.59%
JPY/VND	162	-0.63%	-1.31%
VN LS TPCP 10Y	4.47%	+0.2 bps	+0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.89%	+55.4 bps	+58.7 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MSN	73.00	+1.96%	+0.42	6.43
CTG	31.85	+0.79%	+0.40	14.32
VPL	92.90	+0.98%	+0.33	0.68
STB	70.00	+1.16%	+0.31	4.07
VPB	22.05	+0.68%	+0.31	17.38

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	234.50	-1.47%	-5.62	1.58
VHM	62.10	-1.90%	-2.04	5.20
VCB	53.60	-1.11%	-1.04	5.36
MCH	129.80	-2.41%	-0.86	0.49
FPT	50.80	-3.97%	-0.82	12.85

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	15.90	+1.92%	+0.48	1.95
SHS	13.50	+1.50%	+0.20	30.12
CEO	12.30	+1.65%	+0.12	16.58
HUT	12.70	+0.79%	+0.10	2.20
MBS	16.20	+1.25%	+0.09	7.61

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
KSF	68.10	-0.87%	-0.26	0.08
PVS	29.30	-1.35%	-0.15	2.35
IDC	34.90	-1.13%	-0.14	0.78
TIG	4.40	-8.33%	-0.07	1.18
DHT	49.00	-1.80%	-0.05	0.00

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MSN	73.00	+1.96%	+2.00	6.43
STB	70.00	+1.16%	+1.00	4.07
VPB	22.05	+0.68%	+0.58	17.38
VNM	57.80	+0.52%	+0.41	3.33
CTG	31.85	+0.79%	+0.20	14.32

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	50.80	-3.97%	-5.49	12.85
VIC	234.50	-1.47%	-3.11	1.58
HPG	21.20	-1.40%	-2.48	22.60
MWG	73.70	-1.73%	-2.35	5.72
LPB	35.50	-2.61%	-1.79	14.82

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PIT	8.26	+6.99%	0.01
SMA	9.16	+6.88%	0.00
SVD	4.85	+6.36%	0.00
SC5	15.30	+6.25%	0.01
CMV	8.48	+6.13%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
YBM	9.30	-7.00%	0.21
COM	32.60	-6.99%	0.00
VNG	5.20	-6.98%	0.00
HHP	16.75	-6.94%	3.83
FDC	21.00	-6.87%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TMB	60.50	+10.00%	0.03
VTH	9.90	+10.00%	0.00
CAR	129.00	+9.88%	0.00
DNC	44.70	+9.83%	0.00
HEV	10.20	+9.68%	0.00

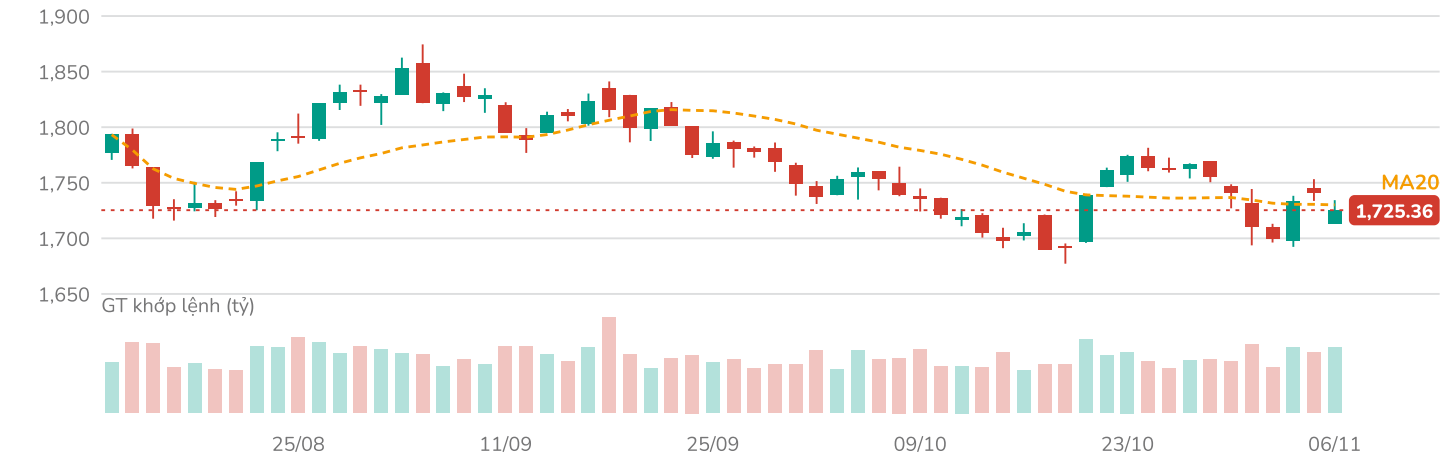
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DC2	5.40	-10.00%	0.00
MCC	11.90	-9.85%	0.00
VNT	29.30	-9.85%	0.00
SJ1	16.70	-9.73%	0.00
DST	4.90	-9.26%	0.31

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

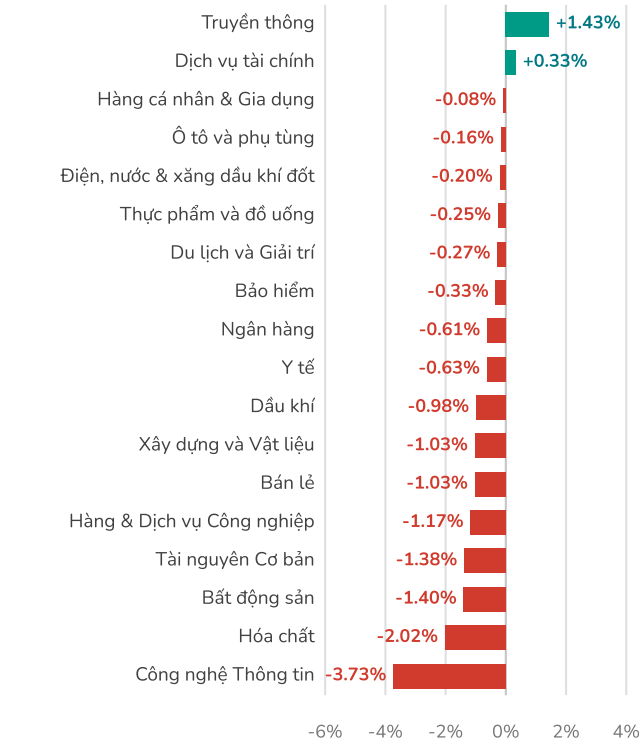
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,730.18 TB20 GT khớp lệnh: 12,619 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

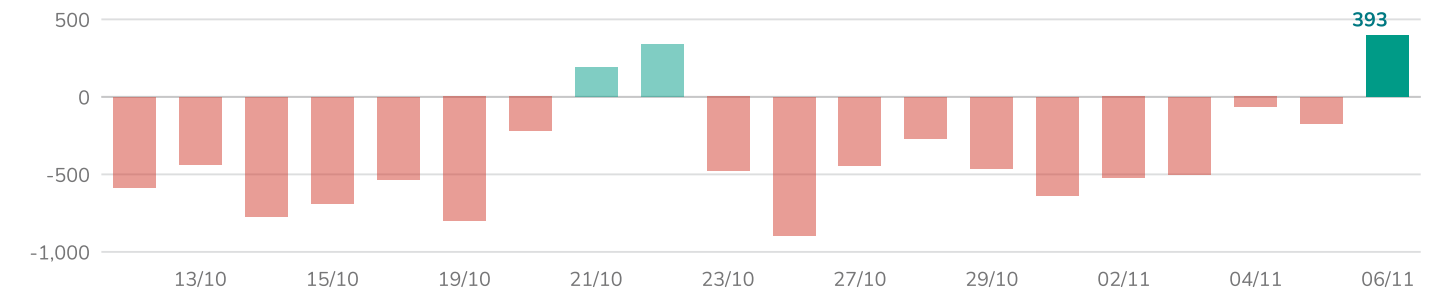
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bất động sản	-1.40%	3,280	375.4
Dịch vụ tài chính	+0.33%	3,668	346.4
Thực phẩm và đồ uống	-0.25%	1,032	115.5
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.17%	1,275	27.9
Tài nguyên Cơ bản	-1.38%	774	-17.3
Xây dựng và Vật liệu	-1.03%	677	-22.7
Du lịch và Giải trí	-0.27%	295	-28.0
Dầu khí	-0.98%	315	-66.1
Công nghệ Thông tin	-3.73%	669	-153.5
Ngân hàng	-0.61%	5,513	-186.4

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-1.01%	9,154	-215.3
VNMID	-0.03%	8,464	549.2
VNSML	-0.72%	966	7.6

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

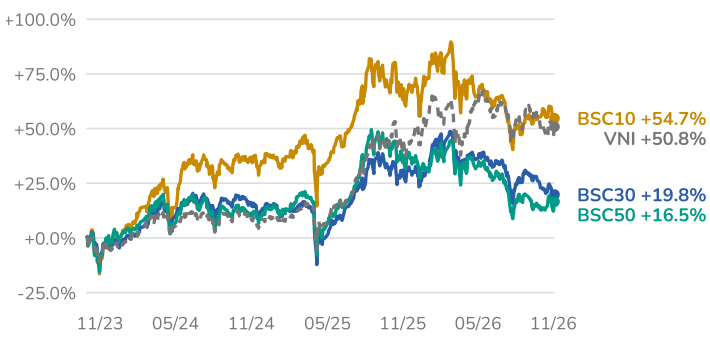
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.40%**. Các mã diễn biến tích cực: KDH (+5.23%), MSN (+1.96%), PDR (+1.73%).
- BSC50 **-0.57%**. Các mã diễn biến tích cực: HDG (+4.55%), TCH (+3.85%), NLG (+2.91%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.40%	-0.57%	-0.88%	-1.01%
1 tuần	+0.76%	+1.30%	-0.93%	-0.47%
1 tháng	+0.54%	+1.16%	-0.56%	-1.44%
3 tháng	-1.63%	-2.18%	-2.42%	-3.39%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	73.7	-1.73%	1.0	108,759	439.1	7,556	9.8	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.9	-0.74%	0.9	25,380	28.2	1,859	14.5	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	15.1	+5.23%	0.9	18,804	607.8	1,374	11.0	39.9	22.7%	Link
PDR	Bất động sản	11.8	+1.73%	1.1	11,724	85.4	540	21.8	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	62.1	-1.90%	1.7	510,141	324.6	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	50.8	-3.97%	0.7	95,795	657.9	5,479	9.3	124.4	26.7%	Link
BSR	Dầu khí	26.2	-0.94%	–	131,442	185.9	5,584	4.7	–	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	29.3	-1.35%	0.8	17,981	69.7	3,417	8.6	52.3	15.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.6	-1.88%	0.8	32,309	124.3	1,064	22.1	–	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.4	0.00%	1.0	61,227	636.8	1,554	13.1	–	29.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	20.2	+0.75%	0.8	23,275	370.0	1,249	16.2	–	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	32.1	-0.93%	0.8	16,994	89.4	5,132	6.3	53.3	7.3%	Link
DGC	Hóa chất	33.0	-1.20%	1.0	12,533	17.0	4,883	6.8	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.4	-0.97%	0.6	118,120	189.1	2,773	7.3	27.1	22.1%	Link
BID	Ngân hàng	31.9	-0.93%	0.9	248,514	134.2	4,524	7.1	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.9	+0.79%	0.8	247,377	451.5	5,479	5.8	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	22.5	+0.22%	0.9	146,404	545.2	2,932	7.7	32.7	19.2%	Link
MBB	Ngân hàng	19.2	-1.28%	0.9	193,823	261.7	3,507	5.5	32.4	22.0%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	-0.61%	0.8	61,214	276.5	1,673	9.8	14.0	6.2%	Link
STB	Ngân hàng	70.0	+1.16%	0.7	131,965	283.7	809	86.5	–	10.2%	Link
TCB	Ngân hàng	21.6	-1.37%	1.0	230,126	246.9	2,694	8.0	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	12.7	-0.78%	0.9	40,515	336.9	2,649	4.8	–	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	53.6	-1.11%	0.8	447,864	287.3	4,986	10.8	–	19.8%	Link
VIB	Ngân hàng	14.0	-0.71%	0.7	52,295	56.4	2,071	6.8	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	22.1	+0.68%	0.9	220,500	376.5	3,118	7.1	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.6	0.00%	0.8	6,724	21.6	2,348	6.7	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.0	+1.96%	0.9	106,607	461.7	6,243	11.7	100.4	25.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.8	+0.52%	0.5	120,799	192.1	5,455	10.6	78.0	49.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.2	-1.40%	0.8	178,991	478.8	3,251	6.5	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.9	-1.36%	0.8	8,799	41.8	772	14.1	14.3	3.3%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	38.5	-2.41%	0.9	8,599	41.2	4,269	9.0	28.6%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	142.0	-0.70%	0.8	25,392	59.4	7,598	18.7	33.7%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	63.5	-0.47%	0.8	47,137	47.1	4,560	13.9	27.4%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.4	+1.46%	1.0	8,780	155.2	776	13.4	2.9%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.0	+2.33%	0.9	13,949	363.4	92	120.1	15.1%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.8	-1.15%	1.0	2,952	87.1	690	18.6	1.5%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.9	-1.13%	0.8	14,569	27.3	4,365	8.0	15.1%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	22.9	+2.91%	0.9	11,133	46.2	1,026	22.4	35.3%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	50.1	-0.79%	0.8	12,130	11.4	5,778	8.7	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.4	-1.93%	0.9	3,663	25.9	891	22.8	1.4%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.5	+3.85%	1.1	13,545	304.8	793	17.0	9.7%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	234.5	-1.47%	1.9	1,820,233	371.5	5,557	42.2	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.8	-1.86%	1.5	53,968	82.5	3,255	7.3	11.1%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.6	-2.22%	0.9	4,099	5.0	1,687	10.4	35.5%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	134.7	-0.88%	0.7	103,597	213.5	2,866	47.0	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.4	-1.04%	0.8	43,151	48.7	3,022	11.0	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	17.1	-1.16%	0.6	15,864	81.0	976	17.5	8.2%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.6	+0.51%	1.1	7,466	33.8	1,054	18.6	24.7%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.2	+1.25%	1.1	16,215	121.2	1,562	10.4	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.4	-1.10%	1.2	29,375	586.6	762	29.5	5.8%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.8	+0.38%	0.8	34,285	57.3	4,184	12.6	37.8%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.9	-1.74%	0.6	9,189	96.7	6,594	7.3	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.6	-0.24%	0.7	10,623	78.2	2,977	6.9	16.1%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.0	-2.54%	0.6	9,287	36.0	2,174	21.2	4.0%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.1	-0.66%	1.0	7,701	75.6	3,302	4.6	25.9%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.2	0.00%	0.8	1,782	12.6	1,741	8.7	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.2	-0.55%	0.8	2,343	15.5	3,692	4.9	22.4%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.6	0.00%	0.7	13,361	44.3	2,320	8.5	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.3	-2.82%	1.1	117,200	58.3	2,111	13.9	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.2	-1.22%	1.1	30,176	213.3	103	157.8	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	35.5	-2.61%	0.7	106,049	507.1	4,048	8.8	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.6	-0.40%	0.5	27,201	52.0	2,365	5.3	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.7	-2.28%	0.7	32,769	13.2	1,482	7.2	18.9%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.4	-1.14%	1.0	4,620	23.1	2,961	5.9	1.8%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.9	+0.65%	0.6	12,526	95.4	253	122.3	3.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.6	+1.07%	0.6	54,637	54.2	3,623	11.8	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.0	-0.71%	0.7	10,274	13.0	5,503	8.9	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.2	-2.80%	0.8	5,982	145.7	494	24.6	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	136.4	-1.09%	0.4	11,166	10.5	15,292	8.9	81.8%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	68.3	0.00%	0.8	7,638	28.0	7,145	9.6	47.1%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	65.3	-2.68%	0.8	8,366	25.6	5,223	12.5	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.0	-2.58%	0.9	3,801	33.5	3,735	8.6	18.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.6	-0.42%	0.8	5,492	31.5	1,241	7.7	10.2%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.4	-0.90%	0.5	7,780	9.3	2,352	7.0	8.2%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.4	-0.32%	0.7	10,787	69.4	1,607	9.6	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.9	-2.09%	0.9	17,889	22.1	4,003	10.0	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	74.1	-0.67%	0.8	178,800	48.0	6,110	12.1	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.1	+4.55%	0.9	6,552	69.4	1,999	8.1	15.8%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.3	-1.20%	0.8	37,888	98.8	2,353	5.2	4.0%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	47.1	+2.28%	0.5	29,362	41.5	4,420	10.7	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 | Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn